

**BIÊN BẢN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHO SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT THÁNG 03 NĂM 2026**



Hôm nay, ngày 05 tháng 03 năm 2026 chúng tôi gồm có:

I. Thành phần hội đồng:

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| 1. PGS.TS. Phan Hồng Hải | Hiệu trưởng |
| 2. ThS. Trần Thị Huệ Chi | Phó Trưởng phòng Đào tạo |
| 3. TS. Nguyễn Trường Sa | Trưởng khoa/viện: Ngoại ngữ |

Chủ tịch hội đồng

Ủy viên hội đồng

Ủy viên hội đồng

II. Kết quả xét công nhận tốt nghiệp:

STT	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Lớp sinh viên	Tổng số SV được xét và công nhận tốt nghiệp	Ghi chú
1	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13A	1	
2	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13C	1	
3	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13E	1	
4	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14A	1	
5	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14B	1	
6	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14D	2	
7	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14E	1	
8	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14F	2	
9	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14I	1	
10	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15A	1	
11	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15D	2	
12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15E	1	
13	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15F	2	
14	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16A	2	
15	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16B	2	
16	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16C	6	
17	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16D	4	
18	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16E	2	
19	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16G	2	
20	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16H	2	
21	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16I	3	
22	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16K	1	
23	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16L	1	
24	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16M	3	
25	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17A	5	
26	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17B	7	
27	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17C	5	
28	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17D	3	
29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17E	5	
30	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17F	6	
31	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17G	5	
32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17H	2	
Tổng cộng:				83	

Kết quả xét công nhận tốt nghiệp như sau:

- Tổng số sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp:

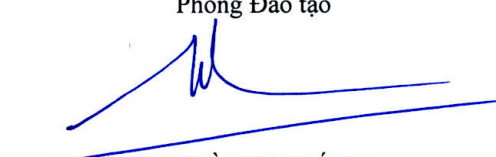
83

Trong đó: **Bậc Đại học là 83 sinh viên.**

STT	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Lớp sinh viên	Tổng số SV được xét và công nhận tốt nghiệp	Ghi chú
-----	------------	---------------	---------------	---	---------

Cuộc họp kết thúc lúc 15 giờ 00 cùng ngày. Biên bản được đọc lại cho mọi người cùng nghe và ký tên.


 Chủ tịch Hội đồng
 PGS.TS. Phan Hồng Hải

Phòng Đào tạo

 ThS. Trần Thị Huế Chi

TP.HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Trưởng đơn vị


 TS. Nguyễn Trường Sa



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Xét tốt nghiệp tháng 03.2026

(Kèm theo quyết định số : 570/ĐHCN - ĐT, TP.HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
	Khoa Ngoại ngữ											
1	17053791	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/11/1999	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	DHAV13A	129	6.80	2.56	Khá	
2	17070701	Nguyễn Hoàng	Vinh	26/03/1999	Tỉnh Đồng Nai	Nam	DHAV13C	129	6.10	2.14	Trung bình	
3	17055281	Trần Bình	An	20/11/1999	Tỉnh An Giang	Nam	DHAV13E	129	6.40	2.39	Trung bình	
4	18028241	Lê Quang Nhật	Thi	14/07/2000	Tỉnh Vĩnh Long	Nữ	DHAV14A	126	6.20	2.28	Trung bình	
5	18027701	Phạm Hoàng Vân	Anh	23/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV14B	126	7.00	2.76	Khá	
6	18059501	Phan Thị Kim	Ngân	16/05/2000	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV14D	126	6.50	2.41	Trung bình	
7	18056211	Phạm Thái	Son	18/02/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Nam	DHAV14D	126	6.70	2.58	Khá	
8	18056241	Hồ Dạ Hoa	Huỳnh	06/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV14E	126	6.50	2.48	Trung bình	
9	18081401	Đặng Thị Bích	Ngân	09/07/2000	Tỉnh Tiền Giang	Nữ	DHAV14F	126	6.90	2.72	Khá	
10	18077541	Nguyễn Minh	Thuận	30/05/2000	Tỉnh Đồng Tháp	Nam	DHAV14F	126	6.60	2.48	Trung bình	
11	18067991	Hoàng Thị Tú	Uyên	02/03/2000	Tỉnh Kiên Giang	Nữ	DHAV14I	126	6.80	2.62	Khá	
12	19521191	Bành Công	Hậu	07/05/2001	Tỉnh Trà Vinh	Nam	DHAV15A	126	6.40	2.40	Trung bình	
13	19480751	Nguyễn Nguyệt Yến	Nhi	20/06/2001	Vĩnh Long	Nữ	DHAV15D	126	6.70	2.56	Khá	
14	19479451	Trần Huỳnh Như	Ý	13/12/2001	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV15D	126	6.50	2.40	Trung bình	
15	19528071	Đỗ Tú	Uyên	04/03/2001	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV15E	126	7.50	3.08	Khá	
16	19498361	Nguyễn Hoàng	Huy	06/08/2001	Tỉnh Bạc Liêu	Nam	DHAV15F	126	6.90	2.67	Khá	
17	19498471	Trương Bảo	Quý	21/02/2001	Tỉnh Bạc Liêu	Nữ	DHAV15F	126	6.70	2.61	Khá	
18	20127001	Nguyễn Thế	Tâm	24/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16A	127	7.00	2.75	Khá	
19	20000591	Cao Thị Bé	Trinh	20/01/2001	Tỉnh Bến Tre	Nữ	DHAV16A	127	6.70	2.51	Khá	
20	20014261	Lâm Tâm	Như	30/04/2002	Tỉnh Trà Vinh	Nữ	DHAV16B	127	6.40	2.37	Trung bình	
21	20014591	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/06/2002	An Giang	Nữ	DHAV16B	127	6.40	2.40	Trung bình	
22	20021481	Trần Thị Mỹ	Duyên	21/03/2002	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV16C	127	6.70	2.56	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
23	20117121	Đoàn Thị Mỹ	Khương	30/11/2002	Tây Ninh	Nữ	DHAV16C	127	6.60	2.49	Trung bình	
24	20018241	Lâm Thị Quỳnh	Như	20/02/2002	Cà Mau	Nữ	DHAV16C	127	6.70	2.53	Khá	
25	20023621	Nguyễn Thị Kim	Thạch	02/02/2002	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV16C	127	6.60	2.47	Trung bình	
26	20022061	Nguyễn Võ Thu	Thảo	05/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16C	127	7.00	2.73	Khá	
27	20023731	Nguyễn Hồng Huyền	Trân	15/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16C	127	7.10	2.78	Khá	
28	20033781	Hoàng Thị Thùy	Dung	25/11/2002	Đắk Lắk	Nữ	DHAV16D	127	6.70	2.55	Khá	
29	20123101	Nguyễn Thị Thúy	Lan	26/06/2002	Đồng Tháp	Nữ	DHAV16D	127	6.50	2.49	Trung bình	
30	20032701	Lê Nguyễn Hoài	Thương	11/09/2002	Tỉnh Kiên Giang	Nữ	DHAV16D	127	7.50	3.06	Khá	
31	20026251	Đổng Thanh	Toàn	27/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16D	127	7.10	2.82	Khá	
32	20040651	Nguyễn Hoàng Phương	Oanh	14/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	Nữ	DHAV16E	127	7.00	2.70	Khá	
33	20038241	Đinh Thị Thùy	Trang	24/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16E	127	6.20	2.14	Trung bình	
34	20055341	Lâm Nhật	Hào	18/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16G	127	7.10	2.84	Khá	
35	20052271	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	05/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16G	127	7.20	2.87	Khá	
36	20064381	Bùi Minh	Hiếu	11/04/2002	Đồng Nai	Nam	DHAV16H	127	6.20	2.26	Trung bình	
37	20064411	Lê Vi	Na	19/04/2002	Tỉnh Phú Yên	Nữ	DHAV16H	127	6.80	2.59	Khá	
38	20075741	Lê Lã Hoài	Hương	01/01/2002	Đồng Nai	Nữ	DHAV16I	127	6.70	2.62	Khá	
39	20076981	Trần Thanh	Phương	01/05/2000	Quảng Ngãi	Nam	DHAV16I	127	6.40	2.35	Trung bình	
40	20072571	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	18/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16I	127	6.80	2.61	Khá	
41	20088071	Bùi Vĩnh	Hưng	05/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16K	127	6.50	2.44	Trung bình	
42	20094261	Lê Giang Cẩm	Thư	02/05/2002	Tỉnh Sóc Trăng	Nữ	DHAV16L	127	6.30	2.30	Trung bình	
43	20101381	Nguyễn Thị Minh	Anh	10/08/2002	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV16M	127	7.60	3.10	Khá	
44	20101431	Nguyễn Lan	Chi	06/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16M	127	7.10	2.79	Khá	
45	20102081	Trương Thuý Dương	Ngân	23/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	Nữ	DHAV16M	127	6.80	2.63	Khá	
46	21078231	Trương Vũ Thuý	Anh	24/03/2003	Tỉnh Kiên Giang	Nữ	DHAV17A	127	6.70	2.56	Khá	
47	21018291	Uông Ngọc Lan	Anh	03/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17A	127	6.90	2.76	Khá	
48	21003651	Hồng Dư Yên	Nhi	10/05/2003	Tỉnh Kiên Giang	Nữ	DHAV17A	127	7.10	2.83	Khá	
49	21016091	Ngô Thị Thuý	Phượng	08/01/2003	Đồng Nai	Nữ	DHAV17A	127	7.00	2.75	Khá	
50	21011481	Hoàng Thị Thanh	Thảo	27/07/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17A	127	6.60	2.53	Khá	
51	21138131	Trần Quốc	Duy	17/09/2003	An Giang	Nam	DHAV17B	127	7.50	2.98	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
52	21029361	Huỳnh Thị Gia	Hân	05/03/2003	Tỉnh Tiền Giang	Nữ	DHAV17B	127	7.40	2.97	Khá	
53	21134421	Nguyễn Minh	Huy	04/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV17B	127	8.00	3.33	Giỏi	
54	21019871	Nguyễn Thị	Loan	06/02/2003	Đồng Nai	Nữ	DHAV17B	127	7.00	2.73	Khá	
55	21078821	Ngô Thị Thâm	Mơ	23/06/2003	Tỉnh Bình Thuận	Nữ	DHAV17B	127	7.00	2.72	Khá	
56	21030181	Nguyễn Trúc	Quỳnh	06/09/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17B	127	7.40	2.99	Khá	
57	21028881	Đặng Ngọc Phương	Vy	09/08/2003	Tỉnh Sóc Trăng	Nữ	DHAV17B	127	7.40	3.00	Khá	
58	21053261	Phan Thụy Mai	Hân	22/08/2003	Tỉnh Long An	Nữ	DHAV17C	127	6.40	2.38	Trung bình	
59	21051721	Nguyễn Thị Trà	My	22/05/2003	Tỉnh Tiền Giang	Nữ	DHAV17C	127	6.50	2.39	Trung bình	
60	21046401	Nguyễn Văn	Nam	01/11/2003	Tỉnh Kiên Giang	Nam	DHAV17C	127	7.40	2.95	Khá	
61	21041601	Phạm Nhật	Nguyên	19/08/2003	Tỉnh Bình Định	Nam	DHAV17C	127	7.30	2.91	Khá	
62	21082661	Trương Phạm Yến	Nhi	19/11/2003	Tỉnh Tiền Giang	Nữ	DHAV17C	127	7.60	3.14	Khá	
63	21066651	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/11/2003	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV17D	127	7.70	3.14	Khá	
64	21065711	Nguyễn Đặng Thảo	Nguyên	20/04/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17D	127	7.10	2.80	Khá	
65	21068531	Trần Lê Tường	Vân	29/10/2003	Đồng Nai	Nữ	DHAV17D	127	7.20	2.87	Khá	
66	21094801	Đồng Minh	Khôi	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV17E	127	8.30	3.51	Giỏi	
67	21089411	Nguyễn Việt Anh	Kiệt	21/03/2003	Tỉnh Kiên Giang	Nam	DHAV17E	127	7.00	2.77	Khá	
68	21076131	Phùng Thị	Lâm	05/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	DHAV17E	127	7.10	2.82	Khá	
69	21087101	Nguyễn Trần Hoàng	Nam	26/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV17E	127	7.30	2.92	Khá	
70	21089041	Phạm Võ Diễm	Quỳnh	04/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17E	127	6.80	2.59	Khá	
71	21103271	Vũ Thị Kim	Chi	31/08/2003	Đồng Nai	Nữ	DHAV17F	127	7.50	3.03	Khá	
72	21106971	Lưu Viễn	Dương	11/02/2003	Tỉnh Bình Thuận	Nam	DHAV17F	127	7.20	2.90	Khá	
73	21102471	Vũ Thị Trà	My	15/09/2003	Đắk Lắk	Nữ	DHAV17F	127	6.80	2.70	Khá	
74	21101051	Phùng Thị Mỹ	Thức	27/08/2003	Gia Lai	Nữ	DHAV17F	127	7.30	2.93	Khá	
75	21099761	Trần Thị Huyền	Trân	10/02/2003	Tỉnh Tiền Giang	Nữ	DHAV17F	127	6.60	2.52	Khá	
76	21098461	Bùi Vũ Thùy	Trang	04/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17F	127	7.90	3.26	Giỏi	
77	21116021	Lục Tiểu	Bình	22/03/2003	Tỉnh Bến Tre	Nữ	DHAV17G	127	7.50	3.07	Khá	
78	21115261	Trần Thị Mỹ	Hoa	23/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17G	127	7.60	3.10	Khá	
79	21115381	Phạm Võ Yến	Nhi	22/11/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17G	127	7.10	2.82	Khá	
80	21115971	Đặng Thị Bích	Trâm	21/11/2003	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHAV17G	127	7.00	2.73	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
81	21120731	Nguyễn Thanh	Trúc	13/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17G	127	7.30	2.96	Khá	
82	21126431	Phạm Tấn	Kiệt	23/12/2003	Đồng Tháp	Nam	DHAV17H	127	7.20	2.85	Khá	
83	21133411	Phạm Ngọc Hiền	Trình	18/07/2003	Lâm Đồng	Nữ	DHAV17H	127	7.40	2.97	Khá	

Tổng cộng:

83

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Ban Giám hiệu

(Họ tên và chữ ký)



PGS.TS. Phan Hồng Hải

Phòng Đào tạo

(Họ tên và chữ ký)

(Signature)

ThS. Trần Thị Huệ Chi

Trưởng khoa

(Họ tên và chữ ký)

(Signature)

T.S. Nguyễn Quốc Tuấn

Người lập biểu

(Họ tên và chữ ký)

(Signature)

Lê Thị Cẩm Tú